

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2026/DS-PT
Ngày: 25 - 3 - 2026
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hà

Ông Phan Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Nga là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 332/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 346/2025/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh ngày: 09/09/1948; CCCD số: 052148007759; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970; CCCD số: 052070014880; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền ngày 12/12/2024). Có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Thế V, sinh ngày: 07/4/1970; CCCD số: 052070006775; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Thu H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số C đường T, tổ B, phường P, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Huy H2, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số C đường T, tổ B, phường P, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Ông Phạm Thế V1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn N, xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thế V, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền ngày 23/12/2024). Có mặt.

5. Ông Huỳnh Trọng Q, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số E đường T, phường Q, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

6. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1944; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền ngày 25/12/2024). Có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949; Địa chỉ: Số C đường T, tổ B, phường P, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

8. UBND xã A

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng H4 - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái H5 - công chức phòng Kinh tế xã A (Theo giấy ủy quyền ngày 27/8/2025). Vắng mặt.

9. Bà Lưu Thị T1, sinh năm 1976; Có mặt.

10. Anh Phạm Thanh K, sinh năm 1999; Vắng mặt.

11. Chị Phạm Thanh N, sinh năm 2001; Vắng mặt.

12. Anh Phạm Thanh B1, sinh ngày 29/01/2007; Vắng mặt.

Người giám hộ: Vợ chồng ông Phạm Thế V, bà Lưu Thị T1; Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn T trình bày:

Ông bà ngoại Huỳnh Trọng Đ (sinh năm 1920, chết năm 1993), Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1928, chết năm 1999) có 05 người con gồm: Ông Huỳnh B2 (sinh năm 1944, chết năm 2017; ông Huỳnh B2 có vợ Nguyễn Thị M và 02 người con: Huỳnh Thị Thu H1 và Huỳnh Huy H2); Bà Huỳnh Thị Thu B3 (sinh năm 1945, chết năm 2019). Bà B3 có chồng Phạm Thúc V2 (chết trước bà Huỳnh Thị Thu

B3) và 03 người: ông Phạm Thế V, ông Phạm Thế V1 và bà Phạm Thị H6; Bà Huỳnh Thị H; Ông Huỳnh Trọng Q; Bà Huỳnh Thị S. Ông bà ngoại không có con riêng, con nuôi.

Năm 1993, ông Huỳnh Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T2 được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất ở, đất vườn và 02 thửa đất ruộng có tục danh đám Ruộng Xạ (không rõ số thửa) và đám Đồng Xia (thửa đất số 550C). Đám Ruộng Xạ đã được giải tỏa đền bù, tiền do ông Huỳnh Trọng Q trực tiếp nhận nên ông không rõ là bao nhiêu nhưng mẹ của ông không tranh chấp đối với số tiền đền bù thửa ruộng này. Còn đám Đồng Xia (thửa đất số 550c) được Ủy ban xã N thông báo phương án đền bù số tiền 160.656.000đ thì trong gia đình xảy ra tranh chấp số tiền này nên đến nay chưa chi trả cho ai. Trước khi giải tỏa thì thửa ruộng số 550c do cụ Nguyễn Thị T2 cho bà Huỳnh Thị Thu B3 làm. Sau khi bà Huỳnh Thị Thu B3 chết thì giao lại cho ông Phạm Thế V tiếp tục canh tác. Cụ Nguyễn Thị T2 chỉ nói miệng là để ruộng cho bà Huỳnh Thị Thu B3 làm chứ không định đoạt cho bà Huỳnh Thị Thu B3 thửa ruộng này. Thời điểm giao quyền sử dụng ruộng đất trong hộ gia đình có bao nhiêu nhân khẩu thì ông không rõ. Cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 chết không để lại di chúc

Tại biên bản họp gia đình ngày 11/6/2011 có nội dung: Các con của cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 thống nhất để lại nhà đất cho bà Huỳnh Thị Thu B3 trông coi, quản lý và giao cho bà Huỳnh Thị Thu B3 nhận số tiền đền bù do 627m² đất lúa của đám Ruộng Xạ bị thu hồi để làm đường, diện tích 627m² này là của đám Ruộng Xạ chứ không có liên quan đến thửa ruộng số 550c có tục danh đám Đồng Xia và tại buổi họp này các anh em của mẹ cũng không mời mẹ của ông họp.

Nay bà Huỳnh Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 để lại là số tiền đền bù giải tỏa thửa ruộng số 550C có tục danh đám Đồng Xia tọa lạc tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định với số tiền là 158.550.400đ cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Số tiền bồi thường hỗ trợ về hoa màu 2.100.600 đồng, không yêu cầu chia mà giao cho ông V. Riêng đối với nhà, đất ở, đất vườn do cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 để lại và số tiền đền bù đám Ruộng Xạ mà ông Huỳnh Trọng Q đã nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông không đồng ý yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Trọng Q về việc yêu cầu mẹ ông và những người thừa kế khác phải thanh toán vàng để chữa bệnh cho cụ T2 và sửa chữa nhà.

Ngày 18/8/2025 mẹ của ông có đơn khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất 47 tờ bản đồ số 11 có diện tích 1.504m² (200m² đất ở và 1.304m² đất vườn) và thửa đất số 55c.

Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Thế V trình bày: Thống nhất về mối quan hệ gia đình, hàng thừa kế và di sản thừa kế của ông bà ngoại cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 để lại, không có di chúc như nguyên đơn được ủy quyền đã trình bày.

Ông bà ngoại Huỳnh Trọng Đ, Nguyễn Thị T2 chết không để lại di chúc nhưng có di ngôn để lại toàn bộ nhà đất làm nhà từ đường. Đám Ruộng X đã được Nhà nước giải tỏa bồi thường số tiền do mẹ Huỳnh Thị Thu B3 trực tiếp nhận và đưa lại cho cậu Huỳnh Trọng Q để sửa nhà từ đường. Đám Đ, lúc bà ngoại Nguyễn Thị T2 còn sống do bà ngoại làm, ông và mẹ Huỳnh Thị Thu B3 có phụ giúp bà ngoại làm đám ruộng này. Sau khi bà ngoại chết, anh em trong nhà thống nhất giao cho mẹ của ông làm tiếp chứ bà ngoại chưa định đoạt đất ruộng cho mẹ của ông. Năm 2019 khi mẹ chết thì ông trực tiếp canh tác ruộng. Tại biên bản họp gia đình ngày 11/6/2011 có nội dung các người con của ông bà ngoại Huỳnh Trọng Đ, Nguyễn Thị T2 thống nhất để lại nhà đất cho mẹ Huỳnh Thị Thu B3 trông coi, quản lý và giao cho mẹ ông nhận số tiền đền bù do đất ruộng bị thu hồi để làm đường. Diện tích 627m² mà các anh em trong nhà giao cho mẹ ông theo biên bản họp gia đình là diện tích của cả hai đám Ruộng X và Đ. Thời điểm đó bà Huỳnh Thị H không hòa thuận với các anh em trong gia đình nên không tham gia họp gia đình và không ký trong biên bản.

Tháng 6 năm 2023, Nhà nước tiếp tục giải tỏa thửa ruộng có tục danh đám Đồng Xĩa. Ủy ban xã N thông báo cho ông phương án đền bù đám Đ số tiền 160.656.000đ, trong đó 38.276.000đ là tiền bồi thường giá trị đất nông nghiệp, số tiền còn lại hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ tiền ăn cho hộ gia đình ông. Sau đó bà Huỳnh Thị H có đơn khởi kiện tranh chấp nên tiền đền bù đến nay chưa chi trả cho ai.

Bà Huỳnh Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế số tiền 160.656.000đ: Ông chỉ đồng ý chia số tiền đất lúa thu hồi 38.276.000đ và yêu cầu nhận số tiền chia thừa kế do thu hồi đất ruộng. Riêng số tiền hỗ trợ bồi thường hoa màu và ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm thuộc 05 nhân khẩu của gia đình ông gồm: ông, bà Lưu Thị T1, anh Phạm Thanh K, chị Phạm Thanh N và anh Phạm Thanh B1.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Trọng Q yêu cầu những người thừa kế phải thanh toán 04 lượng vàng và 20.000.000 đồng: Nếu các anh chị em thống nhất hoàn trả cho ông Hoàng Trọng Q1 thì ông đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Huỳnh Thị Thu H1 trình bày: Thống nhất về mối quan hệ gia đình và cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 chết không để lại di chúc như nguyên đơn được ủy quyền đã trình bày. Bà thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 để lại là tiền đền bù do giải tỏa thửa ruộng số 550c có tục danh đám Đồng Xĩa là 38.276.000 đồng, bà yêu cầu được nhận.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Trọng Q về việc yêu cầu cha mẹ của bà cùng các anh chị em còn lại phải thanh toán 04 lượng vàng và 20.000.000 đồng là không có chứng cứ nên bà không đồng ý. Vì việc ông Q sửa nhà không thông báo cho anh chị em trong gia đình, không có chứng cứ, khi bà nội còn sống cha mẹ của bà cũng bỏ tiền chi phí viện phí và mai táng phí cho bà nội.

- Ông Huỳnh Huy H2 trình bày: Thống nhất về mối quan hệ gia đình cũng như yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thu H1.

- Ông Phạm Thế V1 trình bày: Thống nhất về mối quan hệ trong gia đình, hàng thừa kế, di sản cụ Huỳnh Trọng Đ, Nguyễn Thị T2 để lại như các đương sự trình bày. Năm 2023, nhà nước đấm Đ1 xĩa được bồi thường số tiền khoảng 158.000.000đ nhưng trong gia đình xảy ra tranh chấp nên đến nay chưa chi cho ai. Đấm ruộng này trước khi giải tòa thì do mẹ của ông Huỳnh Thị Thu B3 canh tác. Mẹ mất năm 2019 thì anh Phạm Thế V làm. Việc giao ruộng làm chỉ nói miệng chứ không viết giấy tờ. Ông bà ngoại chết không để lại di chúc. Ông không biết gì về biên bản họp gia đình ngày 11/6/2011 do ông bị tai nạn chấn thương cột sống không đi lại được từ năm 2010.

Bà Huỳnh Thị H kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là số tiền giải tỏa ruộng thì ông không có ý kiến gì và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp chia thừa kế thì kỹ phần thừa kế ông được nhận, ông tự nguyện giao lại cho ông Huỳnh Trọng Q nhận để thờ cúng ông bà nên đối với yêu cầu độc lập của ông Q về việc thanh toán chi phí nuôi bà ngoại và sửa chữa nhà thì ông không liên quan, không có ý kiến và ông không có ý kiến gì đối với các di sản còn lại của ông bà ngoại.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H3 ủy quyền cho ông Phạm Thế V trình bày: Thống nhất theo nội dung trình bày ở phần trình bày của bị đơn.

- Ông Huỳnh Trọng Q trình bày: Thống nhất về mối quan hệ gia đình như nguyên đơn được ủy quyền đã trình bày.

Năm 1993 Nhà nước cấp cho mẹ (Nguyễn Thị T2) 01 thửa đất ruộng số 550c tờ bản đồ số 10 có diện tích 380m² do mẹ sử dụng canh tác trồng lúa. Đến khoảng năm 1998 thì mẹ giao thửa ruộng này lại cho bà Huỳnh Thị Thu B3 canh tác, đến năm 2019 bà Ba bị bệnh chết thì vợ chồng con trai của bà B3 là Phạm Thế V - Lưu Thị Thủ trực T3 canh tác cho đến khoảng tháng 3-4 năm 2024 thì Nhà nước thu hồi toàn bộ thửa ruộng này để mở đường và bồi thường số tiền 160.656.000 đồng, do có tranh chấp nên chưa giao cho ai. Cha mẹ chết không để lại di chúc nhưng có di ngôn để lại toàn bộ nhà đất làm nhà từ đường nên vào ngày 11/6/2011 tổ chức họp gia đình và tại biên bản họp gia đình tất cả đều thống nhất để lại nhà đất và các tài sản khác để làm di sản dùng vào việc thờ cúng và để cho con cháu nội ngoại đi về. Thời điểm đó có mời bà Huỳnh Thị H nhưng bà H không đồng ý nên không có mặt và không ký trong biên bản.

Khoảng cuối năm 1998 đến tháng 2 năm 1999, mẹ bị bệnh tai biến mạch máu não nên ông chữa bệnh cho mẹ Nguyễn Thị T2 tại khoa trung cao của bệnh viện Đ2. Toàn bộ chi phí ông bỏ ra để lo, thuê phòng nằm ở khoa Trung cao và toàn bộ mua thuốc ngoài, ông bán 06 lượng vàng để chi phí cho mẹ ông. Năm 1999 nhà mẹ đóng cửa, không có ai ở, nhà xuống cấp nên ông Phạm Đình T4 (là chồng của bà H) trực tiếp kêu thợ đến sửa nhà trước và ông trực tiếp trả số tiền 7.700.000đ. Đến khoảng năm 2013 ông trực tiếp sửa nhà sau và xây dựng nhà vệ

sinh, đóng giếng khoan phá nền sân, ông bán 01 lượng vàng để sửa. Cuối năm 2024 sau ngày đến Tòa án làm việc, ông đổ bê tông lối đi và toàn bộ sân nhà, chi phí 20.000.000đ. Tổng cộng chi phí chữa bệnh cho mẹ và sửa chữa nhà là 08 lượng vàng và 20.000.000đ nên ông yêu cầu chia đều và yêu cầu 4 người con phải thanh toán lại cho ông. Nếu người nào không nhận tiền đền bù từ bồi thường thừa đất số 550c mà để tiền thờ cúng thì ông không yêu cầu thanh toán, nếu người nào nhận tiền đền bù thì phải thanh toán cho ông số tiền bỏ ra chữa bệnh cho mẹ và sửa chữa nhà.

Theo biên bản họp gia đình ngày 11/6/2011, gồm 04 người con Huỳnh H7, Huỳnh Thị Thu B3, Huỳnh Trọng Q, Bà Huỳnh Thị S thống nhất để đất của mẹ làm di sản thờ cúng nên không chia. Ông yêu cầu áp dụng thời hiệu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H vì thời hiệu khởi kiện đã hết theo khoản 2 Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015, còn tiền bồi thường hỗ trợ hoa màu và tiền hỗ trợ ổn định đời sống hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm thì ông yêu cầu giao cho Phạm Thế V nhận.

Tại phiên tòa ông rút một phần yêu cầu độc lập về việc yêu cầu các thừa kế thanh toán 04 lượng vàng mà ông đã bỏ ra chữa bệnh, mai táng phí, làm mộ cho mẹ. Ông yêu cầu trừ chi phí 26.800.000đ mà ông bỏ ra sửa chữa nhà của cha mẹ vào số tiền bồi thường thu hồi thừa đất số 550c và giao cho ông Phạm Thế V quản lý số tiền này. Đối với nhà đất còn lại của cha mẹ thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị S, ông được bà S ủy quyền, thống nhất về mối quan hệ gia đình như nguyên đơn được ủy quyền đã trình bày.

Năm 1993 cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 được nhà nước cấp đất ở, đất vườn và 02 thửa đất ruộng tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Thị T2. Năm nào không nhớ, Nhà nước giải tỏa đền bù 01 thửa đất ruộng, tiền đền bù do bà Huỳnh Thị Thu B3 nhận rồi giao lại cho ông Huỳnh Trọng Q nên ông không rõ số tiền là bao nhiêu. Đầu năm 2024, Nhà nước tiếp tục giải tỏa thửa ruộng còn lại nhưng khi có phương án đền bù số tiền 158.550.400 đồng thì trong gia đình xảy ra tranh chấp nên đến nay số tiền này chưa chi trả cho ai.

Lúc cụ Nguyễn Thị T2 còn sống thì ruộng do cụ T2 làm, sau khi cụ T2 chết thì để cho con gái Huỳnh Thị Thu B3 và cháu Phạm Thế V làm chứ cụ T2 không có định đoạt cho bà Huỳnh Thị Thu B3 hay ông Phạm Thế V thừa ruộng này.

Tại biên bản họp gia đình ngày 11/6/2011 có mặt vợ chồng ông thì các anh em trong gia đình thống nhất giao cho bà Huỳnh Thị Thu B3 nhận số tiền đền bù do thửa ruộng trước bị thu hồi để làm đường chứ không định đoạt giao cho bà Huỳnh Thị Thu B3 thừa ruộng hiện tranh chấp.

Cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 chết không để lại di chúc. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc chia di sản thừa kế do cụ

Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 để lại là tiền đền bù do giải tỏa thửa ruộng số 550c tọa lạc tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định với số tiền là 158.550.400đ, đối với kỹ phần được chia thì yêu cầu giao cho bà Huỳnh Thị S nhận. Đối với các di sản khác của cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 thì không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Trọng Q về việc yêu cầu bà S phải thanh toán vàng để chữa bệnh cho cụ T2 và sửa chữa nhà thì ông không đồng ý. Ngoài ra ông không có ý kiến yêu cầu nào khác.

- Bà Nguyễn Thị M trình bày: Thống nhất về mối quan hệ gia đình như nguyên đơn được ủy quyền trình bày.

Năm 1993 cha mẹ chồng Huỳnh Trọng Đ, Nguyễn Thị T2 được nhà nước cấp diện tích đất ở, đất vườn và 02 thửa đất ruộng tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, đất đai và giấy tờ do các em quản lý nên bà không nắm rõ thông tin các thửa đất. Năm nào không nhớ, Nhà nước giải tỏa đền bù 01 thửa ruộng của cha mẹ chồng, số tiền này do bà Huỳnh Thị Thu B3 nhận rồi giao lại cho ông Huỳnh Trọng Q nên bà không rõ số tiền là bao nhiêu. Năm 2023, Nhà nước tiếp tục giải tỏa thửa ruộng còn lại nhưng khi có phương án đền bù thì trong gia đình xảy ra tranh chấp nên đến nay số tiền này chưa chi trả cho ai, bà chỉ nghe nói lại là đền bù do giải tỏa đất ruộng còn số tiền cụ thể bao nhiêu thì không rõ.

Cha mẹ chồng Huỳnh Trọng Đ, Nguyễn Thị T2 chết không để lại di chúc. Lúc mẹ chồng Nguyễn Thị T2 còn sống thì ruộng do mẹ chồng làm, sau khi mẹ chồng chết thì ai trực tiếp làm bà không rõ.

Tại biên bản họp gia đình ngày 11/6/2011 có nội dung các người con của cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 thống nhất giao cho bà Huỳnh Thị Thu B3 nhận tiền đền bù do thửa ruộng trước bị thu hồi để làm đường chứ không định đoạt đối với thửa ruộng hiện tranh chấp. Nay bà Huỳnh Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ chồng Huỳnh Trọng Đ, Nguyễn Thị T2 để lại là tiền đền bù do giải tỏa thửa ruộng số 550c có tục danh đám Đồng xĩa tọa lạc tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định với số tiền là 158.550.400đ thì bà đồng ý và yêu cầu được nhận theo kỹ phần được chia. Đối với các di sản khác của cụ Huỳnh Trọng Đ, cụ Nguyễn Thị T2 thì bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu nào khác.

- Ban quản lý dự án thị xã A (nay là UBND xã A) trình bày: Ban Q2 đất thị xã A thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã N và xã N), địa điểm xã N, trong đó có thửa đất lúa số 550c thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thôn Đ, xã N đứng tên Nguyễn Thị T2 bị thu hồi để thực hiện dự án này. Diện tích thửa đất 466,8m², diện tích thu hồi 466,8m² (ảnh hưởng 3858m², thu hồi thêm 81m²), diện tích còn lại 0.

Căn cứ quyết định số 6582/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND thị xã A về việc thực hiện phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Đường kết nối giao thông hai

tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã N và xã N) tại xã N, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 160.656.000đ, trong đó:

Bồi thường đất nông nghiệp là $38.277.600đ = 466,8m^2 \times 82.000đ/m^2$

Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm: $114.832.800đ = 466,8m^2 \times 3 \times 82.000đ/m^2$

Hỗ trợ ổn định đời sống: $5.445.000đ = 5 \text{ người} \times 3 \text{ tháng} \times 30kg \text{ gạo/người/tháng} \times 12.100 \text{ đồng/kg}$ (cho hộ đang quản lý sử dụng đất)

Bồi thường về hoa màu thực tế có trên đất: $2.100.600đ = 466,8m^2 \times 4.500đ/m^2$

Vì đang tranh chấp nên các đồng thừa kế chưa nhận tiền.

- Bà *Luu Thị T1* trình bày: Thống nhất về mối quan hệ gia đình cũng như ý kiến yêu cầu của chồng là ông *Phạm Thế V*.

- Anh *Phạm Thanh K* trình bày: Trong quá trình trưởng thành cùng bà nội và ba mẹ, khi bà nội mất để lại thừa ruộng cho bà mẹ làm. Nay tranh chấp thống nhất theo ý kiến của ba mẹ.

- Chị *Phạm Thanh N* trình bày: Trong quá trình trưởng thành cùng bà nội và ba mẹ, khi bà nội mất để lại thừa ruộng cho bà mẹ làm. Nay tranh chấp thống nhất theo ý kiến của ba mẹ.

Tại Bản án dân sự sơ số 21/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà *Huỳnh Thị H*. Xác định số tiền 38.277.600 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) mà Nhà nước bồi thường do thu hồi thửa đất lúa số 550^c tờ bản đồ số 1 có tọa lạc tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là thôn Đ, xã A, tỉnh Gia Lai) là tài sản chung của hộ gia đình cụ *Nguyễn Thị T2*, cụ *Huỳnh Trọng Đ*. Trong đó phần cụ *T2* là 19.138.800 đồng (Mười chín triệu một trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng); phần cụ *Đ* là 19.138.800 đồng (Mười chín triệu một trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông *Huỳnh Trọng Q* về áp dụng thời hiệu. Xác định di sản của cụ *Huỳnh Trọng Đ* là số tiền 19.138.800 đồng (Mười chín triệu một trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng) từ bồi thường quyền sử dụng đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi thửa đất số 550^c, tờ bản đồ số 10 tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là thôn Đ, xã A, tỉnh Gia Lai) hết thời hiệu chia thừa kế.

3. Giao cho hộ gia đình ông *Phạm Thế V* được nhận sở hữu số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm là 114.832.800 đồng, số tiền hỗ trợ ổn định đời sống là 5.445.000 đồng và số tiền bồi thường hoa màu là 2.100.600 đồng, tổng cộng 122.378.400 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm đồng). Hộ gia đình ông *Phạm Thế V* được quyền liên hệ với UBND xã A

để nhận số tiền 122.378.400 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).

4. Giao ông Phạm Thế V được nhận sở hữu số tiền 20.414.720 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm mười bốn nghìn bảy trăm hai mươi đồng). Ông Phạm Thế V được quyền liên hệ với UBND xã A để nhận số tiền 20.414.720 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm mười bốn nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

5. Giao bà Huỳnh Thị H được nhận sở hữu số tiền 3.827.760 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Bà Huỳnh Thị H được quyền liên hệ với UBND xã A để nhận số tiền 3.827.760 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

6. Giao ông Huỳnh Trọng Q được nhận số tiền 5.103.680 đồng (Năm triệu một trăm lẻ ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng). Ông Huỳnh Trọng Q được quyền liên hệ với UBND xã A để nhận số tiền 5.103.680 đồng (Năm triệu một trăm lẻ ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

7. Giao bà Huỳnh Thị S được nhận sở hữu số tiền 3.827.760 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Bà Huỳnh Thị S được quyền liên hệ với UBND xã A để nhận số tiền 3.827.760 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

8. Giao bà Nguyễn Thị M, bà Huỳnh Thị Thu H1, ông Huỳnh Huy H2, bà Phạm Thị H3 mỗi người được nhận sở hữu số tiền 1.275.920 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng). Bà Nguyễn Thị M, bà Huỳnh Thị Thu H1, ông Huỳnh Huy H2, bà Phạm Thị H3 được quyền liên hệ với UBND xã A để nhận số tiền 1.275.920 (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng).

9. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Trọng Q về việc yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán 04 lượng vàng, do ông Q rút yêu cầu.

10. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Trọng Q về việc trừ số tiền 26.860.000 đồng vào số tiền thu hồi đất vì không có căn cứ.

11. Không chấp nhận đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/8/2025 của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và đơn ngày 21/8/2025 đứng tên Huỳnh Thị S về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.504m² (200m² đất ở và 1.304m² đất vườn) tọa lạc tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, vì vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2025, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị S có đơn kháng cáo đề nghị hủy Bản án số 21/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai.

Ngày 26/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trọng Q có đơn kháng cáo đề nghị xem xét công nhận Biên bản họp gia đình ngày

11/6/2011 có 04 thành viên hàng thừa kế thứ nhất thỏa thuận đưa kỹ phần thừa kế của mình được hưởng vào làm di sản thờ cúng; bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà H vì đã hết thời hiệu; xem xét phần chi phí hợp lý của ông Q đã bỏ ra để di tu, sửa chữa, bảo quản di sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo;
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà H, bà S, ông Q và giữ nguyên Bản án dân sự số 21/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Thu H1, ông Huỳnh Huy H2, ông Phạm Thế V1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thái H5 là người đại diện theo ủy quyền của UBND xã A, anh Phạm Thanh K, chị Phạm Thanh N là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai mà vắng mặt. Theo khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị S đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai; Ông Huỳnh Trọng Q đề nghị công nhận Biên bản họp gia đình ngày 11/6/2011, bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà H vì hết thời hiệu, xem xét phần chi phí hợp lý của ông Q đã bỏ ra để di tu, sửa chữa, bảo quản di sản. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Cụ Huỳnh Trọng Đ chết ngày 30/3/1993 (Theo trích lục khai tử số 60/TLKT-BS và số 61/TLKT-BS ngày 28/3/2024 của UBND xã N), thời điểm mở thừa kế của cụ Đ là ngày 30/3/1993. Cụ Nguyễn Thị T2 chết ngày 18/02/1999, thời điểm mở thừa kế của cụ T2 là ngày 18/02/1999.

Di sản thừa kế của cụ Đ, cụ T2 là thửa đất 550c đã bị thu hồi và được bồi thường, hỗ trợ số tiền 160.656.000đ theo Quyết định số 6582/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND thị xã A. Ngày 02/4/2024, bà Huỳnh Thị H khởi kiện chia di sản thừa kế số tiền bồi thường do Nhà nước thu hồi thửa đất 550c. Cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Đ hết thời hiệu khởi kiện, di sản của cụ Nguyễn Thị T2 còn thời hiệu khởi kiện là đúng quy định khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự “*Thời hiệu để*

người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”.

[2.2] Về Biên bản họp gia đình ngày 11/6/2011:

Ông Hoàng Trọng Q1 cho rằng Biên bản họp gia đình ngày 11/6/2011 đã thỏa thuận số tiền bồi thường thừa đất số 550c là di sản dùng vào việc thờ cúng. Tuy nhiên, qua xem xét Biên bản ngày 11/6/2011, ông Huỳnh B2, bà Huỳnh Thị Thu B3, ông Huỳnh Trọng Q và bà Huỳnh Thị S chỉ thỏa thuận việc giao số tiền bồi thường của thừa đất 163a từ bản đồ số 11 cho bà Huỳnh Thị Thu B3 nhận, không thỏa thuận số tiền bồi thường thừa đất số 550c là di sản dùng vào việc thờ cúng. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Trọng Q1 là có căn cứ.

[2.3] Về di sản thừa kế, người thừa kế, chia di sản thừa kế:

[2.3.1] Thừa đất số 550c, tờ bản đồ số 1, diện tích 380m² địa chỉ: thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định bị thu hồi và được bồi thường số tiền 160.656.000đ. Trước khi bị Nhà nước thu hồi thừa đất này do vợ chồng ông Phạm Thế V trực tiếp quản lý sử dụng.

[2.3.2] Căn cứ Công văn số 10/UBND ngày 20/01/2025 của UBND xã N, đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 10/3/1993 đứng tên Nguyễn Thị T2 và Công văn số 37/CAX ngày 28/02/2025 của Công an xã N, lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có cơ sở xác định thừa đất số 550c, tờ bản đồ số 1, diện tích 380m² đất lúa được giao cho hộ gia đình cụ Nguyễn Thị T2, tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất có 02 nhân khẩu gồm cụ Nguyễn Thị T2 và cụ Huỳnh Trọng Đ.

[2.3.3] Căn cứ quyết định số 6582/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND thị xã A, thừa đất 550c bị thu hồi, được bồi thường, hỗ trợ số tiền 160.656.000đ, trong đó: Bồi thường đất nông nghiệp 38.277.600đ, hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm 114.832.800đ; hỗ trợ ổn định đời sống 5.445.000đ và bồi thường về hoa màu thực tế có trên đất 2.100.600đ. Xét thấy:

Đối với khoản bồi thường về hoa màu 2.100.600đ: Các đương sự thống nhất giao cho hộ gia đình ông Phạm Thế V, không tranh chấp số tiền này.

Đối với số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 114.832.800đ và tiền hỗ trợ ổn định đời sống 5.445.000đ, tổng cộng 120.277.800đ: Tại thời điểm Nhà nước thu hồi thừa đất, cụ Đ và cụ T2 đã chết. Hộ ông Phạm Thế V đang trực tiếp quản lý canh tác thừa đất này và sử dụng sản xuất nông nghiệp ổn định. Do đó, cấp sơ thẩm xác định số tiền 120.277.800đ không phải là di sản thừa kế của cụ Đ, cụ T2 và hộ gia đình ông Phạm Thế V được nhận số tiền 120.277.800đ là đúng quy định Điều 83, Điều 84 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 109 Luật Đất đai năm 2024: “...hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang sử dụng đất nông nghiệp”.

Đối với số tiền bồi thường về đất: Diện tích đất bị thu hồi 466,8m² được bồi thường số tiền 38.277.600đ. Cấp sơ thẩm xác định số tiền 38.277.600đ là tài sản

chung của cụ Nguyễn Thị T2, cụ Huỳnh Trọng Đ là đúng như đã phân tích tại mục [2.3.2], mỗi người là 19.138.800đ. Di sản của cụ Huỳnh Trọng Đ là 19.138.800đ nhưng hết thời hiệu khởi kiện và ông Huỳnh Trọng Q có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do đó, cấp sơ thẩm xác định số tiền 19.138.800đ thuộc về người trực tiếp quản lý di sản, ông Phạm Thế V là đúng quy định khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự.

[2.3.4] Cụ Nguyễn Thị T2 chết không để lại di chúc. Di sản của cụ T2 để lại là số tiền 19.138.800đ. Cấp sơ thẩm chia số tiền 19.138.800đ cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị T2 gồm ông Huỳnh B2, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị S, bà Huỳnh Thị Thu B3, mỗi người 3.827.760đ là đúng quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự.

[2.3.5] Ông Huỳnh B2 chết năm 2019. Phần ông B2 được chia từ cụ T2 3.827.760đ được cấp sơ thẩm chia cho bà Nguyễn Thị M, bà Huỳnh Thị Thu H1, ông Huỳnh Huy H2, mỗi người 1.275.920đ là đúng quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự.

[2.3.6] Bà Huỳnh Thị Thu B3 chết năm 2017. Phần bà B3 được chia từ cụ T2 3.827.760đ được cấp sơ thẩm chia cho ông Phạm Thế V, ông Phạm Thế V1, bà Phạm Thị H3, mỗi người 1.275.920đ là đúng quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự. Tổng cộng, ông Phạm Thế V được nhận $20.414.720đ = 19.138.800đ + 1.275.920đ$.

[2.3.7] Phần ông Phạm Thế V1 1.275.920đ. Ông V1 tự nguyện giao kỹ phần thừa kế của mình cho ông Huỳnh Trọng Q. Sự tự nguyện của ông V1 không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cấp sơ thẩm công nhận là đúng quy định Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tổng cộng, ông Huỳnh Trọng Q được nhận $5.103.680đ = 3.827.760đ + 1.275.920đ$.

[2.4] Về yêu cầu của ông Huỳnh Trọng Quốc T5 số tiền bỏ ra sửa chữa nhà 26.860.000đ vào số tiền bồi thường đất và giao số tiền này cho ông Phạm Thế V quản lý:

Ông Quốc cung C bản đơn giá phần thô và nội thất số tiền 26.860.000đ (bút lục 103) nhưng chỉ là bảng đơn giá và không thể hiện việc sửa chữa nhà tại đâu. Việc ông Q sửa chữa nhà không được các thừa kế khác thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q xác định chi phí sửa chữa liên quan nhà đất thuộc thửa 47, không chi phí cho thửa đất số 550c bị thu hồi. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Q là có căn cứ. Ông Q được quyền khởi kiện yêu cầu khi chia di sản thừa kế của thửa đất số 47 nếu cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh.

[2.5] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị S.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 2 của Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị S thuộc người cao tuổi nên được miễn án phí.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ số 21/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 83, 84 Luật Đất đai năm 2013, các Điều 26, 27, 109 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Điều 2 của Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị S được miễn nộp án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 2 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Hồng Thu